

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-10-2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang V, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị C1, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-5-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Quang V trình bày:

Ông và bà Phan Thị C1 chung sống với nhau từ năm 1988, có đăng ký kết hôn vào ngày 02-7-2010 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân ông xin ly hôn với bà C1 là do vợ, chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, gây gổ với

nhau. Ông và bà C1 đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên ông yêu cầu xin ly hôn với bà C1.

Về con chung: Có 02 cháu tên Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 05-4-1988 và Lê Long H2, sinh ngày 05-11-1989. Hiện cháu H1 và cháu H2 đã thành niên, đi làm, sinh sống ổn định nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Phan Thị C1 nhưng bà C1 vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Quang V đối với bà Phan Thị C1; về con chung: Các cháu Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 05-4-1988 và Lê Long H2, sinh ngày 05-11-1989 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Quang V là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Phan Thị C1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà C1.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Quang V và bà Phan Thị C1 chung sống với nhau từ năm 1988, có đăng ký kết hôn vào ngày 02-7-2010 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, trong thời gian chung sống, giữa ông V và bà C1 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ, chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau. Ông V và bà C1 đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Xét tình cảm vợ, chồng giữa ông V và bà C1 không còn, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V đối với bà C1, cho ông V được ly hôn với bà C1.

[3] Về con chung: Có 02 cháu tên Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 05-4-1988 và Lê Long H2, sinh ngày 05-11-1989 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng; ông V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Quang V đối với bà Phan Thị C1. Ông Lê Quang V được ly hôn với bà Phan Thị C1.

2. Về con chung: Các cháu Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 05-4-1988 và Lê Long H2, sinh ngày 05-11-1989 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên ông Lê Quang V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Quang V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quang V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002048, ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; ông Lê Quang V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân C;
- Chi cục THADS huyện Tân C;
- UBND xã Tân H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Đức Dũng